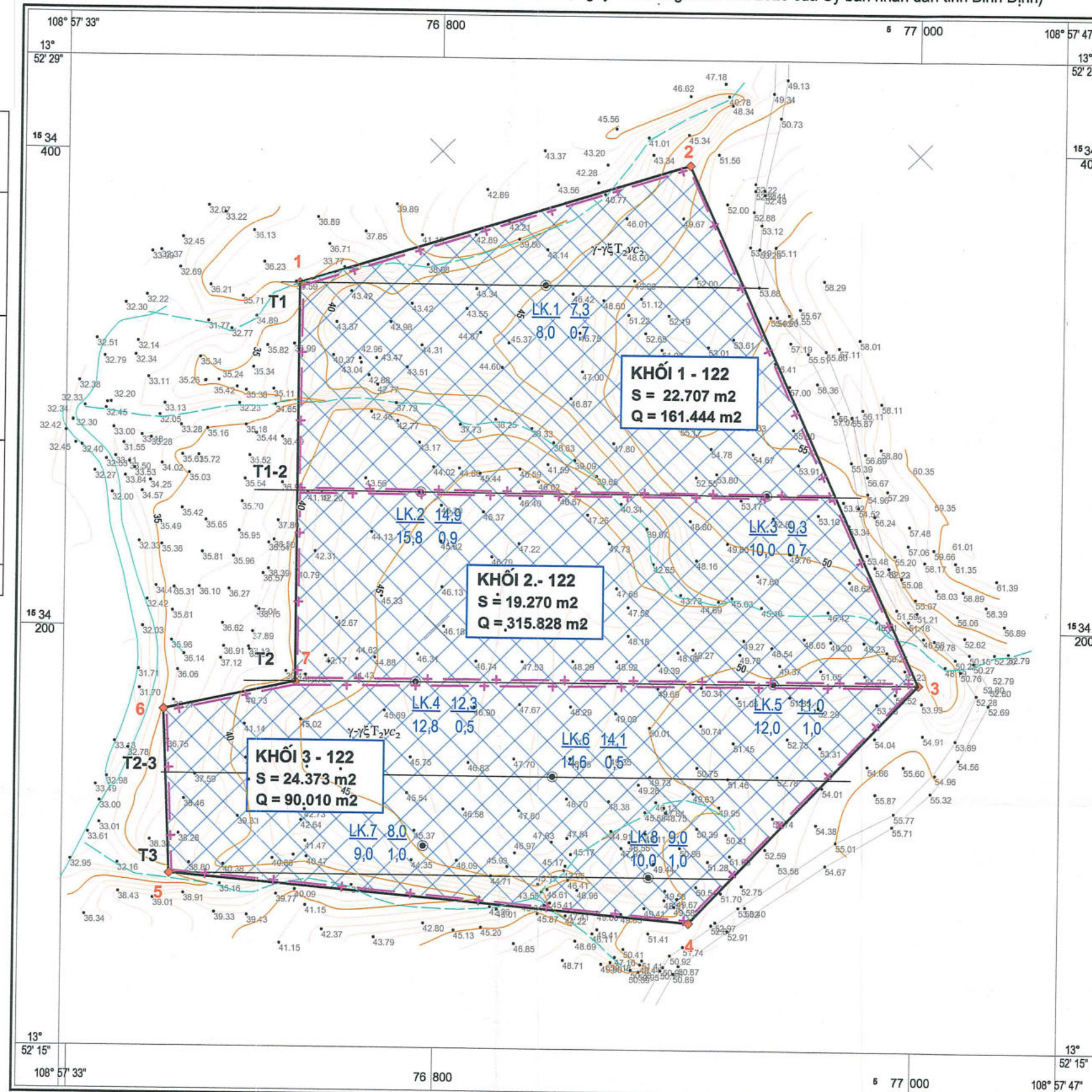


MẶT CẮT, BÌNH ĐỒ PHÂN KHỐI TÍNH TRỮ LƯỢNG ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI XÃ BÌNH NGHĨ, HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số...../QĐ-UBND, ngày.....tháng.....năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

**BẢNG TÍNH TRỮ LƯỢNG ĐỊA CHẤT HUY ĐỘNG VÀO THIẾT KẾ KHAI THÁC
PHƯƠNG PHÁP MẶT CẮT SONG CHIỀU ĐÚNG**

STT	Số hiệu khối - Cấp trữ lượng	Tuyến	Diện tích mặt cắt (m ²)	Diện tích trung bình 02 mặt cắt (m ²)	Khoảng cách 2 mặt cắt (m)	Trữ lượng giới hạn 02 mặt cắt (m ³)	Trữ lượng khối (m ³)	Mức sâu khai thác thấp nhất khối	
1	1-122	M2	0,0	348	51,0	17.748	161.444	+35m	
2		T1	1.045						
3		T1	1.045						
4	2-122	T1-2	2.331	1.646	87,3	143.696	315.828	+35m	
5		T1-2	2.331						
6		T2	2.764						
7	3-122	T2'	2.956	2.893	39,7	114.852	90.010	+35m	
8		T2-3	2.830						
9		T2-3	2.830						
10	3-122	T3	1.212	1.965	41,9	82.334	567.282		
11		T3	1.212						
12	M4	0,0	404	19,0	7.676				
Tổng trữ lượng thăm dò đất làm VLSL, cấp 122:							567.282		



CHỈ DẪN

Phức hệ Vân Canh:
- Pha 2: Granit biotit, granosyenit hạt lớn.

Ranh giới khối dự tính trữ lượng cấp 122

KHỐI 1 - 122 Số hiệu khối - cấp trữ lượng
S = 22.707 m² Diện tích trên bình đồ (m²)
Q = 161.444 m³ Trữ lượng huy động thiết kế khai thác (m³)

LK.1 7,3 8,0 0,7 Vị trí lỗ khoan Số hiệu Chiều dày tầng đất (m) Độ sâu (m) Chiều dày tầng đá (m)

T.1 Tuyến thăm dò và số hiệu Đường đồng mức và độ cao

Đường hiện trạng Khe suối cạn

Diện tích thăm dò và số hiệu điểm góc theo giấy phép thăm dò khoáng sản số 141/GP-UBND, ngày 10/10/2024 (6,635ha)

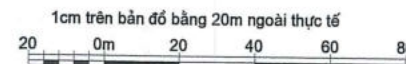
Bảng tọa độ diện tích thăm dò

STT	Tọa độ VN 2000, KKT 108° 15 phút mũi chiếu 3 độ	
	x(m)	y(m)
1	1.534.344	576.741
2	1.534.395	576.904
3	1.534.178	577.002
4	1.534.077	576.907
5	1.534.096	576.689
6	1.534.165	576.686
7	1.534.177	576.741
Diện tích: 6,635 ha		

NGƯỜI THÀNH LẬP

NGUYỄN ĐỨC THÀNH

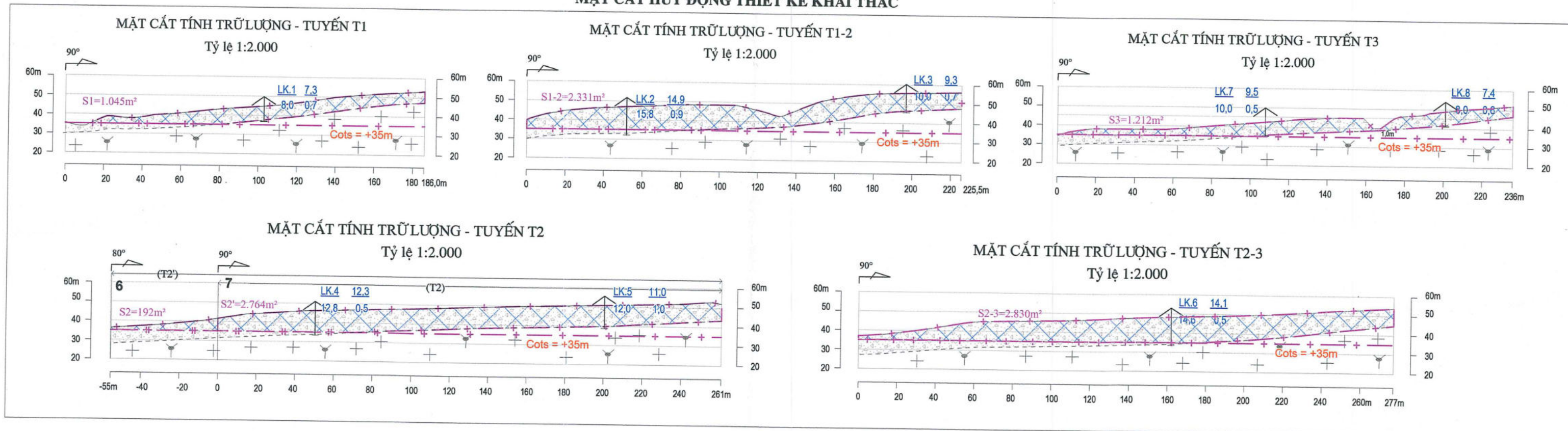
TỶ LỆ 1:2.000



Nền bản đồ được trích lục từ bản đồ địa hình 1:10.000 hành chính cấp xã, được hiệu chỉnh 1:2000. Hệ tọa độ Quốc gia VN-2000, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, mũi chiếu 3 độ.

ĐƠN VỊ THÀNH LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẠT PHƯƠNG
GIÁM ĐỐC

MẶT CẮT HUY ĐỘNG THIẾT KẾ KHAI THÁC



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ TDTS28 xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định” của Công ty TNHH Tổng hợp Bình Nghi 1

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 và số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND tỉnh công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định cho Công ty TNHH Tổng hợp Bình Nghi 1;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 141/GP-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Tổng hợp Bình Nghi 1;

Căn cứ Kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại phiên họp ngày 18/12/2024 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 175/TTr-STNMT ngày 25/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp) trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng

sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ TDTS28 xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định” do Công ty TNHH Tổng hợp Bình Nghi 1 thực hiện, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò và diện tích phê duyệt trữ lượng là 6,635ha, được giới hạn bởi các điểm góc phụ lục 1 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đã tính trong báo cáo:

- Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp khu mỏ theo cấp 122 và được phép đưa vào thiết kế khai thác: 567.282 m³ (tính đến cote sâu thấp nhất +35).

- Hệ số nở rời đất san lấp của mỏ: 1,235.

3. Mức sâu khối trữ lượng phê duyệt: Trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo của Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn, Chủ tịch UBND xã Bình Nghi, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Tổng hợp Bình Nghi 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N.T.Thanh
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Chi cục KS Miền Trung;
- Lưu: VT, K4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 1
TỌA ĐỘ KHU VỰC PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
TẠI MỎ ĐẤT TDTS28, XÃ BÌNH NGHI, HUYỆN TÂY SƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Bình Định)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1.534.344	576.741
2	1.534.395	576.904
3	1.534.178	577.002
4	1.534.077	576.907
5	1.534.096	576.689
6	1.534.165	576.686
7	1.534.177	576.741
Diện tích 6,635ha		

PHỤ LỤC 2
THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN TẠI MỎ ĐẤT TDTS28, XÃ
BÌNH NGHI, HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Bình Định)

Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp khu mỏ theo cấp 122 và được phép đưa vào thiết kế khai thác:

STT	Số hiệu khối - Cấp trữ lượng	Tuyến	Diện tích khối (m2)	Diện tích TB 02 mặt cắt	Khoảng cách 2 mặt cắt	Trữ lượng (m3)	Tổng khối (m3)	Công thức áp dụng	Mức sâu thấp nhất tính trữ lượng
1	1-122	M2	-	348	51,0	17.748	161.444	3	+35 mét
2		T1	1.045						
3		T1	1.045	1.646	87,3	143.696		2	
4		T1-2	2.331						
5	2-122	T1-2	2.331	2.544	79,0	200.976	315.828	2	+35 mét
6		T2	2.764						
7		T2'	2.956	2.893	39,7	114.852		1	
8		T2-3	2.830						
9	3-122	T2-3	2.830	1.965	41,9	82.334	90.010	2	+35 mét
10		T3	1.212						
11		T3	1.212	404	19,0	7.676		3	
12		M4	-						
Tổng trữ lượng đất làm vật liệu san lấp cấp 122:							567.282		